

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 6 - 2021

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị D, sinh năm:1973;

Địa chỉ: Số 289, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc T, sinh năm:1976;

Địa chỉ: Số 289, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa bà D và ông T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai nguyên đơn là bà Trịnh Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà D và ông T tự nguyện chung sống với nhau năm 1999 sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào năm 2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã kéo dài thời gian cho đến khoảng 8/2019 thì bà và ông T không còn chung sống cho đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa. Do vậy, bà D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà D và ông T chung sống có một con chung là Đỗ Ngọc Diễm U, sinh ngày 07/01/2000 hiện nay đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án xem xét về việc nuôi dưỡng;

- Về tài sản chung: Bà D và ông T tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu

Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;
Do bận công việc nên bà Bùi Thị D có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại văn bản ngày 11/5/2021 của Tòa án ghi nhận ý kiến trình bày của bị đơn là ông Đỗ Ngọc T, ông T có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt thể hiện các nội dung như sau:

Ông T trình bày thống nhất với đơn khởi kiện của bà D về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, tình trạng hôn nhân hiện tại, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

- Về hôn nhân: Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D;
- Về con chung: Ông T và bà D sống với nhau có một con chung là Đỗ Ngọc Diễm U, sinh ngày 07/01/2000 hiện nay đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án xem xét về việc nuôi dưỡng;

- Về tài sản chung: Ông Trương và bà D tự thỏa thuận, không tranh chấp;
- Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, cụ thể chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình là không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/4/2021.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị D về việc xin ly hôn với ông Đỗ Ngọc T. Bà D được ly hôn với ông T;
- Về con chung: Ông T và bà D có một con chung là Đỗ Ngọc Diễm U, sinh ngày 07/01/2000 hiện nay đã thành niên, tự lao động sinh sống được;
- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không xem xét giải quyết;
- Về nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Trịnh Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Đỗ Ngọc T. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà D được xác định vụ án có quan hệ pháp luật: “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Ông Đỗ Ngọc T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã B, huyện G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản

1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Ngọc T đều có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Xét nội dung yêu cầu của bà D và ông T là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà D và ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, sau đó có đăng ký kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 81, ngày 30 tháng 10 năm 2002 tại Ủy ban nhân xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên quan hệ hôn nhân của bà D và ông T là hợp pháp.

Bà D có yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với ông T, theo ý kiến trình bày của ông T thì ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Diễm. Do ông T và bà D đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Xét thấy, giữa bà D và ông T không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, ông bà đã không chung sống với nhau nữa.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà D và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Diễm để giải quyết cho bà D được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà D và anh Trương chung sống có một con chung là Đỗ Ngọc Diễm U, sinh ngày 07/01/2000 hiện nay đã thành niên, tự lao động sinh sống được, nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc nuôi dưỡng con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà D và ông T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà D và ông T trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định nêu trên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà D phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007423 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị D. Bà Trịnh Thị D được ly hôn với ông Đỗ Ngọc T.

2. Về con chung: Bà D và ông T có một con chung là Đỗ Ngọc Diễm U, sinh ngày 07/01/2000 hiện nay đã thành niên, tự lao động sinh sống được, nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Bà D và ông T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà D và ông T trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007423 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ